TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:07/2018/DS-PT Ngày: 22-11-2018 "V/v tranh chấp quyền sử dụng đất".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Xuân Hoà

2. Ông Vàng Xuân Hiệp

- Thư ký phiên tòa: ông Đới Xuân Huy – Thư ký TAND Tỉnh Lai Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:08/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2018/QĐXX-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Văn B1, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 4 thị trấn H, huyện H, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn:* ông Lò Văn B2, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4 thị trấn H, huyện H, tỉnh Lai Châu.

Ủy quyền cho ông Trần Văn B1 là nguyên đơn tham gia tố tụng

Theo giấy uỷ quyền ngày 16/11/2017 có xác nhận của UBND Thị trấn H, Huyện H, Tỉnh Lai Châu.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Lò Văn H1 - trú tại: bản C 1, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

2. Ông Lò Văn X - trú tại: bản N, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu

3. Ông Lò Văn Ư1- trú tại:bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

4. Bà Nguyễn Thị H2-trú tại:bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

5. Ông Lò Văn Ư2 - trú tại: bản C, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu

6. Ông Lò Văn H3 - trú tại:bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

7. Ông Lù Văn N - trú tại:bản Ná Lạnh, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu

8. Ông Lù Văn T - trú tại :bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

9. Ông Phạm Đức C - trú tại:bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu.

Tất cả những người làm chứng vắng mặt

* Người đại diện cho phòng tài nguyên và môi trường huyện H, tỉnh Lai Châu: Ông Trần Như A2 - Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh Lai Châu.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn B1 trình bày:

Ngày 01 tháng 9 năm 2006 ông B1 được tuyển dụng viên chức ngạch giáo viên Trung học cơ sở và được Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H phân công về trường Trung học cơ sở tại xã N để công tác.

Đến tháng 01 năm 2007 do điều kiện ở vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn ông B1 cùng các hộ gia đình giáo viên đề nghị Ủy ban nhân dân xã N bố trí đất tại bản P, xã N, huyện H để làm nhà ổn định cuộc sống và tạo cơ sở thuận lợi cho việc dạy học. Được sự nhất trí của UBND xã N (có xác nhận bằng văn bản) ông B1 cùng các hộ gia đình khác thuê công ty M (khi đó đang làm con đường từ xã N đi NH) dùng máy xúc san các mô đất ven tuyến đường mới thi công lấy mặt bằng để làm nhà trước sự chứng kiến của trưởng bản là ông Vì Văn S và mọi người trong xã. Khi san gạt có ông Lò Văn B2 đến gặp ông B1 yêu cầu ông B1 bồi thường số cây chuối và cây sắn ông B2 đã trồng trên diện tích đất mà UBND đã cho ông B1 san gạt để làm nhà. Ông B1 nhất trí và đền bù cho ông B2 500.000 đồng, việc đền bù có lập giấy biên nhận.

Đến tháng 3 năm 2007 gia đình ông B1 làm nhà ở trên nền đất đã được san gạt và bán hàng tạp hóa phục vụ người dân trong bản. Tổng diện tích đất đã san gạt là 1.438,20 m^2.

Đến tháng 8 năm 2009 gia đình ông B1 chuyển công tác từ xã N lên huyện H; ông B1 vẫn sử dụng nhà tại N để cho các hộ gia đình thuê và bán hàng; thuê với giá 1.000.000/tháng.

Đến tháng 6 năm 2017 ông B1 dỡ toàn bộ 05 gian nhà gỗ để cho anh chị ruột ở xã Nậm Tăm sửa nhà và làm thủ tục đề nghị UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Lò Văn B2 xuống tranh chấp đồng thời lấy gỗ dựng lán trên nền nhà mà ông B1 vừa tháo giỡ. Ủy ban nhân dân xã N đã tiến hành hòa giải giữa ông Trần Văn B1 và ông Lò Văn B2 nhưng không hòa giải được. Do vậy ông B1 viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết yêu cầu ông B2 phải tháo giỡ lán gỗ đã dựng trên đất và trả lại diện tích đất đang tranh chấp để ông B1 tiếp tục sử dụng.

Bị đơn là ông Lò Văn B2 trình bày: Năm 2000 ông B2 được hợp tác xã mà ông Vì Văn S là trưởng bản chia cho khoảng 1000m^2 ; khi chia đất không có văn bản, tài liệu gì. Từ năm 2000 đến năm 2004 ông B2 sử dụng đất để trồng ngô. Từ năm 2004 đến 2006 ông B2 sử dụng đất để trồng sắn. Đến năm 2007 ông Trần Văn B1 thuê máy xúc đến san gạt nhưng ông không đồng ý. Ông B1 đề nghị xin được ở nhờ khi nào ông B1 chuyển công tác sẽ phải trả lại đất cho ông. Khi thỏa thuận ông B2 và ông B1 không lập biên bản nhưng có ông Lò Văn Ư2 chứng kiến. Ông B1 đã bồi thường cho ông số cây cối hoa màu trên đất là 500.000 đồng. Tháng 4 năm 2017 ông B1 giỡ nhà khỏi khu đất đang ở. Ông không nhất trí trả lại đất cho ông B1 vì trước đây ông chỉ cho ông B1 mượn đất.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện H tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác định diện tích đất đang tranh chấp có số hiệu thửa đất là: 96; thuộc tờ bản đồ số: 111; địa chỉ thửa đất: bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu; diện tích đất là 1438,20 m^2; mục đích sử dụng: đất ONT; tên chủ sử dụng đất: Trần Văn B1 – Nguyễn Thị Kim A1; Các mặt tiếp giáp: phía Bắc giáp Trạm y tế xã N có các cạnh từ: 1 – 2: 5,96m; 2- 3: 14,52m; phía Đông giáp đường bê tông có các cạnh: 3 – 4: 9,74m; 4 – 5: 6,50; 5 – 6: 4,02m;6- 7: 22,44m; phía Nam giáp đường nhựa có các cạnh: 7 – 8: 6,36m; 8 – 9: 11,60m; 9 – 10: 15,82m; phía Tây Nam giáp khe có các cạnh: 10 – 11: 6,66m; 11 – 12: 7,90m; phía Bắc giáp khe có cạnh: 12 – 13: 26,06m; 13 – 14: 7,77m; 14 – 15: 7,91m; 15 – 1: 4,89m. *Hiện trạng đất: đang còn 15 cây ăn quả được ông B1 trồng từ năm 2007 và 01 bộ khung cột gỗ (08 cột, 03 xà ngang, 03 xà dọc) do ông Lò Văn B2 vào dựng sau khi ông B1 tháo giỡ 05 gian nhà gỗ để cho anh chị dưới xã Nậm Tăm.*

Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N cung cấp tài liệu liên quan đến diện tích thửa đất đang tranh chấp giữa ông Trần Văn B1 và ông Lò Văn B2. Kết quả xác minh cho thấy thửa đất đang

tranh chấp nằm trên địa bàn bản P, xã N, huyện H và không có hồ sơ, tài liệu, văn bản, giấy tờ nào liên quan đến thửa đất đang tranh chấp.

Ông Trần Văn B1 cung cấp Giấy chứng minh thư nhân dân số 045187199 do công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, sổ hộ khẩu số 360095991, Giấy chứng minh thư nhân dân số 045183586 mang tên Nguyễn Thị Kim A1 do công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 15 tháng 8 năm 2014, Giấy ủy quyền tham gia tố tụng, Đơn xin cấp đất có xác nhận của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, Trích lục sơ đồ địa chính thửa đất mang tên chủ sử dụng Trần Văn B1 – Nguyễn Thị Kim A1, giấy biên nhận; Biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất đai lần 1, Biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất đai lần 2.

Ông Lò Văn B2 có đơn đề nghị giải quyết; cung cấp thông tin về những người mà ông cho rằng những người đó biết được về nguồn gốc đất đang tranh chấp và sự việc tranh chấp giữa ông và ông Trần Văn B1 là ông: Lù Văn T, Lò Văn X, Lù Văn H4, Lò Văn Ư2, Lò Văn Ước, Lù Văn N.

Giám đốc Đại diện Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H ông Trần Như A2 trình bày: diện tích đất đang tranh chấp giữa ông B1 và ông B2 là thửa đất số 96 tờ bản đồ số 111 tỷ lệ 1/1000 thành lập năm 2012 đã được quy hoạch sử dụng vào mục đích làm nhà ở và đất vườn ngoài ra không nằm trong quy hoạch sử dụng đất vào mục đích nào khác. Khi quy hoạch khu đất và quy chủ sử dụng đất Uỷ ban nhân dân huyện H mà phòng Tài nguyên môi trường là cơ quan tham mưu đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã N, cán bộ địa chính xã, các trưởng bản, người đang sử dụng đất thông báo tại địa phương, tiến hành đo đạc, xác minh chủ sử dụng đất và lập bản đồ địa chính. Khi thực hiện không có việc tranh chấp nào xảy ra đối với diện tích đất này. Trong trường hợp không có tranh chấp xảy ra thửa đất số 96 tờ bản đồ số 111 tỷ lệ 1/1000 thành lập năm 2012 tên chủ sử dụng là Trần Văn B1 – Nguyễn Thị Kim A1 có đủ điều kiện được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người làm chứng (cho bên bị đơn): Lò Văn X, Lò Văn Ư2 trình bày: Có biết được việc ông B1 bồi thường tiền hoa màu trên đất cho ông B2 là 500.000,VNĐ và có nghe thấy ông B2 bảo cho ông B1 mượn đất, khi nào ông B1 chuyển công tác thì sẽ trả ông B2.

Ông Lò Văn Ư1,Ông Lù Văn T trình bày: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp ông không biết do đâu mà có, không được chứng kiến việc ông Vì Văn S chia đất cho ông Lò Văn B2. Biết được việc ông B2 có trồng sắn trên đất tranh chấp, các ông biết anh Trần Văn B1 đến ở trên diện tích đất hiện nay đang tranh chấp từ năm 2007..

Ông Lò Văn H4 và ông Lù Văn N trình bày: được biết năm 2000 Hợp tác xã chia đất cho ông Lò Văn B2 nhưng diện tích đất, ranh giới của đất mà Hợp tác xã chia cho ông B2 thì hai ông đều không rõ và không chứng kiến việc chia đất trên thực địa. Khi Hợp tác xã chia đất cho ông B2 không có tài liệu giấy tờ gì.

Người làm chứng (bên nguyên đơn): Ông Lò Văn H1 trình bày: khoảng tháng 01 năm 2007 có nhiều giáo viên xuống xã N để dạy học, điều kiện khó khăn không có nơi sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu cho công tác không được đảm bảo nên cấp ủy thống nhất cho phép nếu các hộ giáo viên muốn ở thì mỗi người lựa chọn một thửa đất, tự san gạt làm nhà ở tại bản P bên đường đi NH; trong số đó ông (chủ tịch ủy ban nhân dân xã N) có ký đơn xác nhận cho ông Trần Văn B1 được san gạt đất làm nhà ở với diện tích khoảng hơn 1.000m^2 vào ngày 20/01/2007. Từ khi ông B1 san gạt đất và làm nhà Ủy ban nhân dân xã không có ý kiến gì và cũng không nhận được thông tin gì về việc tranh chấp. Còn ông B2 và ông B1 tranh chấp khi nào thì ông không được biết.

Chị Nguyễn Thị H2trình bày: năm 2012 khi chị lên sinh sống tại xã N đã thấy có nhà của ông Trần Văn B1 trên đất. Chị đã thuê nhà của ông B1 từ năm 2012 đến năm 2015 để ở và bán hàng tạp hóa và trả tiền thuê cho ông B1 với giá 1.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian thuê nhà không thấy chính quyền địa phương hay cá nhân nào có ý kiến tranh chấp khu đất của ông Trần Văn B1.

Ông Phạm Đức C trình bày: năm 2007 ông và ông Trần Văn B1 có làm đơn đề nghị ủy ban nhân dân xã N cho phép san gạt đất tại bản P bên tuyến đường đi xuống NH để làm nhà ở và được Ủy ban nhân xã chấp nhận. Ông và ông B1 cùng thuê máy xúc để san gạt đất làm nhà ở trên cùng một khu vực. Ông B1 dựng nhà trên đất ở từ năm 2007 và trồng cây ăn quả. Khi chuyển công tác lên huyện H, ông B1 vẫn sử dụng nhà để cho thuê. Trong thời gian ông Trần Văn B1 sử dụng đất và cho thuê không thấy xảy ra tranh chấp gì .

Tại phiên tòa ông Lò Văn B2 cho rằng năm 2007 ông Trần Văn B1 đến san gạt đất để làm nhà và có thỏa thuận khi nào ông B1 chuyển công tác sẽ trả lại đất cho ông B2 nhưng không lập thành văn bản. Ông B1 bồi thường số cây ông B2 trồng trên đất là 500.000 đồng, có ông Lò Văn X, Lò Văn Ư2 làm chứng.

Ông Trần Văn B1 cho rằng vào năm 2007 sau khi được Ủy ban nhân dân xã đồng ý cho san gạt đất để làm nhà ở, có ông B2 đến đòi bồi thường số cây sắn trồng trên những mô đất nên ông đã nhất trí trả cho ông B2 500.000 đồnglập giấy biên nhận và cam đoan ông B2 không có thắc mắc gì thêm. Không có sự việc ông thỏa thuận khi nào chuyển công tác sẽ trả lại đất cho ông B2 bởi Ủy ban nhân xã N đã nhất trí cho ông cũng như các hộ gia đình giáo viên khác san gạt để làm nhà và khi đưa tiền bồi thường cho ông B2 về số cây trồng trên đất

không có sự có mặt của Lò Văn X; năm 2009 mặc dù ông chuyển công tác lên huyện H, nhà vẫn sử dụng để cho thuê nhưng ông B2 vẫn không đến tranh chấp; hơn 10 năm đã sử dụng ổn định chỉ đến khi ông B1 tháo giỡ 05 gian nhà gỗ cho anh chị ở Nậm Tăm vào năm 2017 thấy đất trống, lại ở vị trí hai mặt đường ngay lập tức ông B2 đến tranh chấp, dựng lán gỗ là hành vi phát sinh do tham lợi, nói rằng ông mượn đất đến khi chuyển công tác là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim A1 đã ủy quyền toàn bộ cho ông B1 tham gia tố tụng nhất trí với ý kiến của ông B1.

Bản án số 02/2018/DS- ST ngày 28/9/2018 của TAND Huyện H đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn B1

- Buộc ông Lò Văn B2 phải tháo dỡ 01 lều gỗ có mái lợp Proximang mà ông Lò Văn B2 đã dựng trên diện tích đất đang tranh chấp với ông Trần Văn B1;

Ông Lò Văn B2 phải trả lại cho ông Trần Văn B1 diện tích đất đang tranh chấp là 1.438,20 m2; thửa số 96, tên người sử dụng đất: Trần Văn B1 – Nguyễn Thị Kim A1; Các mặt tiếp giáp: phía Bắc giáp Trạm y tế xã N có các cạnh từ: 1 – 2: 5,96m; 2- 3: 14,52m; phía Đông giáp đường bê tông có các cạnh: 3 – 4: 9,74m; 4 – 5: 6,50; 5 – 6: 4,02m;6- 7: 22,44m; phía Nam giáp đường nhựa có các cạnh: 7 – 8: 6,36m; 8 – 9: 11,60m; 9 – 10: 15,82m; phía Tây Nam giáp khe có các cạnh: 10 – 11: 6,66m; 11 – 12: 7,90m; phía Bắc giáp khe có cạnh: 12 – 13: 26,06m; 13 – 14: 7,77m; 14 – 15: 7,91m; 15 – 1: 4,89m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2018 ông Lò Văn B2 kháng cáo toàn bộ bản án; Không chấp nhận việc trả đất cho ông B1 và không nhất trí việc ông B2 phải chịu 300.000,0 đồng án phí.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông Lò Văn B2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn B2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số:02/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Toà án nhân dân huyện H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc ông B1 cho rằng quyền sử dụng đất của ông bị ông Lò Văn B2 sử dụng, ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông B2 trả lại đất cho ông.Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lai Châu thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại các điều 26; 35; 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điều 203 của Luật đất đai 2013.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông B2 đều thừa nhận đất đang tranh chấp có nguồn gốc năm 2000 ông được hợp tác xã chia cho hơn 1000m^2. Năm 2007 khi ông B1 san gạt đất để làm nhà thì ông B1 đã đền bù cho ông 500.000,0đồng. Cả ông B2 và ông B1 đều thừa nhận ông B1 sử dụng ổn định trên diện tích đất 1438,2m^2 đất thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 111 từ năm 2007 đến thời điểm tháng 5/2017 khi ông B1 dỡ ngôi nhà đi thì ông B2 mang khung cột gỗ đến dựng đúng trên nền nhà ông B1 đã dỡ trước đó và xảy ra tranh chấp.

Phía bị đơn ông Lò Văn B2 cho rằng ông chỉ thoả thuận cho ông B1 mượn đất, khi nào ông B1 chuyển công tác thì trả lại đất cho ông B2 nhưng không có tài liệu nào chứng minh cho thoả thuận này, mặt khác ông B1 chuyển công tác từ năm 2009 nhưng ông B1 vẫn sử dụng và cho thuê nhưng ông B2 cũng không có ý kiến gì, đến năm 2017 ông B1 dỡ nhà đi thì ông B2 mới đến tranh chấp. Ngoài ra năm 2012 diện tích đất mà ông B1 sử dụng từ năm 2007 đã được Ủy ban nhân dân huyện H mà phòng Tài nguyên môi trường là cơ quan tham mưu cùng Ủy ban nhân dân xã N, cán bộ địa chính, trưởng bản đã tiến hành thông báo và quy hoạch đo đạc, xác định quy chủ sử dụng đất lập bản đồ địa chính; trên bản đồ địa chính (số 111) đã mang tên chủ sử dụng đất là: Trần Văn B1 – Nguyễn Thị Kim A1;địa chỉ thửa đất: bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu; diện tích đất là 1.438,20 m^2; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn. Trong quá trình thực hiện không xảy ra tranh chấp gì đối với thửa đất. Các hộ gia đình được cấp cùng thời điểm, địa điểm với ông B1 vẫn sinh sống ổn định không có tranh chấp.Cùng thời điểm 2012 ông B2 cũng thừa nhận gia đình ông cũng được đo và kê khai diện tích đất ở, đất đồi trồng cao su và một số thửa đất khác, nhưng ông B2 cũng không kê khai diện tích đất tranh chấp này.

Việc ông B2 cho rằng ông được hợp tác xã chia đất có ông Vì Văn S là người đứng ra chia đất nhưng hiện nay ông Vì Văn S đã chết không có tài liệu gì để chứng minh. Ngoài ra ông B2 trình bày khi chia đất có Lù Văn T, Lù Văn N, Lò Văn Ư2 biết, Lò Văn Ư1chứng kiến: nhưng ông T, ông Ư1trình bày không biết, không thấy ông S chia đất cho ông B2, không biết về nguồn gốc đất; ông N chỉ nghe thấy bốc thăm chia đất cho B2 nhưng không được chứng kiến, không biết cụ thể chia đất với diện tích, đặc điểm vị trí như thế nào. Xác minh tại

UBND không có tài liệu gì chứng minh đây là đất chia cho ông B2. Bản thân bị đơn ông Lò Văn B2 cũng không xác định được diện tích đất đang tranh chấp cụ thể ra sao.

Ngày 05/11/2018 Toà án nhân dân Tỉnh Lai Châu đã yêu cầu UBND Huyện H làm rõ mảnh đất đang tranh chấp giữa ông B2 và Ông B1 có vi phạm quy hoạch không? Có thể xem xét được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không? Ai đứng tên trong bản đồ địa chính? Ngày 06/11/2018 UBND Huyện H đã có văn bảm trả lời "Mảnh đất đang tranh chấp không vi phạm quy hoạch; Nếu không tranh chấp có thể được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Người đứng tên trong bản đồ địa chính là hộ ông Trần Văn B1 và bà Nguyễn Thị Kim A1".

Do đó Toà án cấp sơ thẩm quyết định Ông Lò văn B2 phải tháo dỡ những vật kiến trúc của ông B2 để trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông Trần Văn B1 là có căn cứ.

Về án phí sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Lò Văn B2 phải chịu 300.000,0 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định tại nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Từ những phân tích trên vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lò Văn B2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của ông Lò Văn B2 không được Toà án chấp nhận nên Ông Văn B2 phải chịu án phí Dân sự Phúc thẩm là 300.000,0VNĐ.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào điều 293, khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn B2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số:02/2018/DS -ST ngày 28/9/2018 của Toà án nhân dân Huyện H, tỉnh Lai Châu.

Áp dụng các Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 của luật đất đai năm 2013; Điều 91 nghị định số:43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014; các Điều 26, 35, 39, 70, 71, 72, 91, 147, 148, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B1. Buộc ông Lò Văn B2 phải tháo dỡ 01 lều gỗ có mái lợp Proximang (và các vật kiến trúc khác mà ông B2 dựng trên đất của ông B1, nếu có), trả lại cho ông Trần Văn B1 diện tích đất đang tranh chấp 1.438,20 m2; thửa số 96, tờ bản đồ số

111, tên người sử dụng đất: Trần Văn B1 – Nguyễn Thị Kim A1. Địa chỉ thửa đất bản P, xã N, huyện H, tỉnh Lai Châu. Mảnh đất có tứ cận và độ dài các điểm như sau:

- Phía Bắc giáp Trạm y tế xã N có các cạnh từ: 1 – 2 = 5,96m; 2- 3: = 14,52m; phía Đông giáp đường bê tông có các cạnh: 3 – 4= 9,74m; 4 – 5: = 6,50m; 5 – 6 = 4,02m; 6- 7= 22,44m;

- Phía Nam giáp đường nhựa có các cạnh: 7 – 8= 6,36m; 8 – 9:= 11,60m; 9 – 10= 15,82m;

- Phía Tây Nam giáp khe cạn có các cạnh: 10 – 11= 6,66m; 11 – 12= 7,90m;

- Phía Bắc giáp khe cạn có cạnh: 12 – 13= 26,06m; 13 – 14= 7,77m; 14 – 15: = 7,91m; 15 – 1= 4,89m. (*Theo đúng trích lục bản đồ địa chính do UBND Huyện H cung cấp)*.

2. Án phí: Trả lại cho ông Trần Văn B1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông B1 đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện H (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 12/12/2017).

Buộc ông Lò Văn B2 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000,0VNĐ án phí Dân sự Phúc thẩm. Tổng cộng ông B2 phải chịu án phí 600.000,0VNĐ. Xác nhận ông Lò Văn B2 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000,0VNĐ tại biên lai 0001951 ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, nay chuyển sang án phí. Ông B2 còn phải nộp tiếp 300.000,0VNĐ án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 22/11/2018

Nơi nhận:
-VKS ND tỉnh;
- TAND; huyện H;
- CC THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa